

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XCD

TÊN HỌC PHẦN: DỰ TOÁN XÂY DỰNG

HỌC KỲ 5

MÃ HỌC PHẦN: FIN - 441

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 14/11/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
1	131218023	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	K14XCD	7			7		7			5	5.9	Nằm pháy Chèn		
2	131218066	HOÀNG TUẤN NGỌC	K14XCD	5			5		5			V	0.0	Khăng		
3	131218144	TRẦN ANH TUẤN	K14XCD	8			4		0			V	0.0	Khăng		
4	131218170	NGUYỄN XUÂN LỢI	K14XCD	5			4		3			5	4.6	Bấ pháy Sầu		
5	131218172	VÕ ĐĂNG LÂM	K14XCD	5			4		0			5	4.1	Bấ pháy Mất		
6	141134858	ÔN TRẦN THANH TÙNG	K14XCD	7			5		4			5	5.2	Nằm pháy Hai		
7	141213132	LƯU ANH BÌNH	K14XCD	9			8		8			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
8	141213135	HUỖNH XUÂN CẢNH	K14XCD	10			9		8			5	6.8	Sầu pháy Tầm		
9	141213139	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	K14XCD	10			8		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
10	141213144	VÕ ĐỨC ĐẠT	K14XCD	10			9		8			6	7.4	Bấ pháy Bấ		
11	141213145	NGUYỄN TRẦN THÀNH ĐOÀN	K14XCD	10			9		8			6	7.4	Bấ pháy Bấ		
12	141213146	NGUYỄN SĨ ĐÔNG	K14XCD	8			7		6			V	0.0	Khăng		
13	141213147	NGUYỄN MẠNH DŨNG	K14XCD	10			8		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
14	141213148	NGUYỄN VĂN DŨNG	K14XCD	7			7		6			5	5.8	Nằm pháy Tầm		
15	141213151	NGUYỄN HỒNG GIANG	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
16	141213158	ĐINH NHƯ HIẾU	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
17	141213163	TRẦN VŨ HOÀNG	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
18	141213167	LÊ ĐỨC KHÁNH	K14XCD	8			8		8			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
19	141213170	NGUYỄN THỊ KIỀU	K14XCD	8			7		7			5	6.1	Sầu pháy Mất		
20	141213174	PHẠM VĂN LÂM	K14XCD	8			8		8			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
21	141213175	VÕ THỊ THÚY LIỄU	K14XCD	9			8		8			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
22	141213176	HUỖNH DUY LINH	K14XCD	9			8		8			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
23	141213177	NGUYỄN TƯ LINH	K14XCD	6			5		5			5	5.2	Nằm pháy Hai		
24	141213178	LÊ THỊ THẢO LOAN	K14XCD	9			8		8			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
25	141213183	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	K14XCD	8			8		8			6	6.9	Sầu pháy Chèn		
26	141213188	NGÔ ĐỨC NAM	K14XCD	5			5		4			5	4.9	Bấ pháy Chèn		
27	141213197	TRƯƠNG ĐỨC NHẬT	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
28	141213198	NGUYỄN TRƯỜNG PHI	K14XCD	10			9		8			5	6.8	Sầu pháy Tầm		
29	141213205	NGUYỄN THỊ BÍCH QUYÊN	K14XCD	9			8		8			6	7.1	Bấ pháy Mất		
30	141213207	MAI BA BÁ SƠN	K14XCD	9			8		8			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
31	141213210	TRƯƠNG VĂN SÁNG	K14XCD	7			6		5			5	5.5	Nằm pháy Nằm		
32	141213213	HỒ VĂN TÀI	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
33	141213220	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	K14XCD	9			9		8			5	6.7	Sầu pháy Bấ		
34	141213221	NGUYỄN VĂN THẮNG	K14XCD	9			9		8			5	6.7	Sầu pháy Bấ		
35	141213223	NGUYỄN VĂN THANH	K14XCD	10			8		6			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
36	141213226	VƯƠNG HỮU THÀNH	K14XCD	8			8		8			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
37	141213228	NGUYỄN VĂN THẾ	K14XCD	7			6		5			5	5.5	Nằm pháy Nằm		
38	141213229	VÕ THỊ ANH THI	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấ		
39	141213230	TRẦN XUÂN THỌ	K14XCD	10			9		8			5	6.8	Sầu pháy Tầm		
40	141213240	NGUYỄN LÊ TIẾN	K14XCD	10			8		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		

Ngày thi: 14/11/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	141213251	NGUYỄN VĂN	TUẤN	K14XCD	10			8		7			6	7.1	Baý pháp Mắti		
42	141213254	BÙI XUÂN	TỶ	K14XCD	10			8		7			5	6.5	Saũ phắp Nằm		
43	141213255	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	K14XCD	9			8		7			5	6.4	Saũ phắp Bắứ		
44	141213259	NGUYỄN CẢNH	XY	K14XCD	8			7		7			5	6.1	Saũ phắp Mắti		
45	141214534	LÊ NGỌC	HÙNG	K14XCD	7			6		6			5	5.6	Nằm phắp Saũ		
46	141214929	NGUYỄN TUẤN	DUY	K14XCD	5			5		5			5	5.0	Nằm		
47	141323310	TRẦN THANH	ĐỒNG	K14XCD	8			6		5			5	5.6	Nằm phắp Saũ		
48	131218054	NGUYỄN VĂN	LONG	K14XCD	3			4		6			5	4.7	Bắứ phắp Baý		
49	121212399	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	K14XCD	5			5		6			5	5.2	Nằm phắp Hai		
1	2295	NGUYỄN	HẢI	K12XCD	7			7		6			5	6.0	Saũ		
2	2401	DƯƠNG QUANG	TUẤN	K12XCD	9			8		7			5	6.0	Saũ		
3	7956	PHAN CÔNG	ANH	K13XCD	5			5		6			5	5.2	Nằm phắp Hai		
4	8002	LÊ VŨ	HẢI	K13XCD	2			4		6			5	4.6	Bắứ phắp Saũ		
5	8020	NGUYỄN VĂN	HOÀN	K13XCD	1			1		0			5	3.1	Ba phắp Mắti		
6	8040	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XCD	3			4		4		V	0.0	Khăng			
7	8077	TRẦN ĐĂNG	PHÚC	K13XCD	6			6		6			5	5.5	Nằm phắp Nằm		
8	8103	LÊ HÀN	TÂY	K13XCD	5			5		6			5	5.2	Nằm phắp Hai		
9	8111	PHẠM XUÂN	THẮNG	K13XCD	4			5		5			5	4.9	Bắứ phắp Chèn		
10	8113	TRẦN HOÀI	THANH	K13XCD	6			6		6			6	6.0	Saũ		
11	8119	DƯƠNG VĂN	THỊNH	K13XCD	6			6		6		V	0.0	Khăng			
12	8136	VÕ VĂN	TRUNG	K13XCD	6			6		5			6	5.9	Nằm phắp Chèn		
13	8145	LÊ THANH	TÙNG	K13XCD	8			5		3			5	5.2	Nằm phắp Hai		
14	8148	TRẦN HỒ HUY	VĂN	K13XCD	4			4		4			6	5.1	Nằm phắp Mắti		
15	8149	NGUYỄN VŨ TUẤN	VINH	K13XCD	3			3		3		V	0.0	Khăng			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	57	89%	
2	Số sinh viên nợ	7	11%	
TỔNG CỘNG :		64	100%	

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú